|  |  |
| --- | --- |
| HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NAM** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2023/NQ-HĐND | Quảng Nam, ngày tháng năm 2023 |

(Dự thảo)

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy định cơ chế, chính sách phát triển thuỷ sản**

**trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đến năm 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

**KHOÁ ...KỲ HỌP THỨ ...**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;* *Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;* *Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2014;*

*Căn cứ Luật Thuỷ sản năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày.... tháng ... năm 2023 của Uỷ ban nhân tỉnh về ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển thuỷ sản trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**CHƯƠNG I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách phát triển thuỷ sản gồm:

a) Hỗ trợ chi phí thuê bao thiết bị giám sát hành trình tàu cá;

b) Hỗ trợ thiết bị nhật ký khai thác thuỷ sản điện tử;

c) Hỗ trợ hầm bảo quản sản phẩm thủy sản; máy, thiết bị dò cá; đèn LED dùng trong khai thác thủy sản trên tàu cá;

d) Hỗ trợ chuyển đổi nghề khai thác thuỷ sản;

đ) Hỗ trợ đối với tàu cá, thuyền viên viên tàu cá và người lao động bị nạn trên biển; tàu cá tham gia công tác cứu nạn;

e) Hỗ trợ thực hiện dự án nuôi trồng thủy sản trên biển, mặt nước lớn nội địa;

g) Hỗ trợ thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cá nhân có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Quảng Nam, tổ chức (Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Tổ hợp tác) được thành lập hợp pháp và có trụ sở chính tại tỉnh Quảng Nam tham gia hoạt động: khai thác thủy sản hoặc hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản, nuôi trồng thuỷ sản; tổ chức cộng đồng tham gia thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện các chính sách được quy định tại nghị quyết này.

c) Không áp dụng đối với các doanh nghiệp Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. Tàu cá là phương tiện thủy có lắp động cơ hoặc không lắp động cơ, bao gồm tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản, tàu hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản.

2. Máy móc, thiết bị được hỗ trợ theo quy định là máy móc, thiết bị trực tiếp phục vụ một khâu hoặc toàn bộ quy trình sản xuất; phục vụ cho an toàn tàu cá, quản lý nhà nước về tàu cá.

**Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ**

1. Tổ chức, cá nhân tự huy động nguồn vốn để thực hiện sau khi được UBND tỉnh chấp thuận (trừ chính sách hỗ trợ đồng quản lý bảo vệ nguồn lợi thủy sản); ngân sách nhà nước hỗ trợ sau đầu tư khi được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, nghiệm thu, đảm bảo các điều kiện được hỗ trợ, định mức hỗ trợ theo quy định.

2. Tổ chức, cá nhân có thể được hỗ trợ một hoặc nhiều chính sách theo nghị quyết này.

3. Trong trường hợp cùng một nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ thì tổ chức, cá nhân thụ hưởng được lựa chọn một chính sách hỗ trợ phù hợp nhất. Trường hợp cùng một nội dung, tổ chức, cá nhân nhận hỗ trợ chính sách từ ngân sách Trung ương thì không được hưởng hỗ trợ từ ngân sách tỉnh và ngược lại.

4. Những nội dung về chính sách hỗ trợ không nêu tại Chương II nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về một số chính sách phát triển thuỷ sản và các chính sách khác có liên quan theo quy định pháp luật.

5. Những trường hợp cụ thể:

a) Tàu cá được hưởng chính sách phải nằm trong danh mục tàu cá được UBND tỉnh chấp thuận hỗ trợ tương ứng theo từng nội dung quy định tại nghị quyết này.

b) Dự án nuôi trồng thuỷ sản phải nằm trong danh mục được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương hỗ trợ đầu tư và cam kết hỗ trợ kinh phí theo quy định pháp luật.

c) Tổ chức cộng đồng tham gia thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản theo quy định tại khoản 5, Điều 3 Luật Thủy sản.

**CHƯƠNG II**

**NỘI DUNG, ĐIỀU KIỆN, MỨC HỖ TRỢ**

**Điều 4. Chính sách hỗ trợ thuê bao thiết bị giám sát hành trình tàu cá**

1. Nội dung hỗ trợ

Hỗ trợ chi phí phí thuê bao thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên tàu cá.

2. Điều kiện được hưởng hỗ trợ

a) Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên.

b) Chấp hành đầy đủ các quy định về đăng ký, đăng kiểm tàu cá, giấy phép khai thác thủy sản, chứng nhận về điều kiện an toàn thực phẩm.

c) Đã lắp đặt giám sát hành trình tàu cá theo quy định.

3. Mức hỗ trợ

Hỗ trợ 100% chi phí thuê bao thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên tàu cá nhưng không quá 3.000.000 đồng/năm.

**Điều 5. Chính sách hỗ trợ nhật ký khai thác thuỷ sản điện tử**

1. Nội dung hỗ trợ

Hỗ trợ một lần chi phí mua thiết bị nhật ký khai thác thuỷ sản điện tử được lắp đặt trên tàu cá phục vụ việc báo cáo nhật ký khai thác thủy sản, hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản; truy xuất nguồn gốc thuỷ sản khai thác.

2. Điều kiện được hưởng hỗ trợ

a) Chủ tàu có tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên được đăng ký tại tỉnh Quảng Nam; chấp hành đầy đủ các quy định về đăng ký, đăng kiểm tàu cá, giấy phép khai thác thuỷ sản, chứng nhận an toàn thực phẩm, giám sát hành trình tàu cá.

b) Thiết bị nhật ký khai thác thuỷ sản điện tử lắp đặt trên tàu cá chủ tàu đề nghị hỗ trợ phải là thiết bị mới 100%, phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật và có chức năng đáp ứng theo quy định.

c) Chủ tàu phải cam kết bảo quản, sử dụng nhật ký khai thác thuỷ sản điện tử lắp đặt trên tàu cá trong quá trình hoạt động sản xuất trên biển kể từ ngày nhận được chính sách hỗ trợ theo quy định.

3. Mức hỗ trợ

Hỗ trợ 50% chi phí để mua thiết bị nhật ký khai thác điện tử lắp đặt trên tàu cá nhưng không quá 8.000.000 đồng/thiết bị.

**Điều 6. Chính sách hỗ trợ hầm bảo quản sản phẩm thủy sản; máy, thiết bị dò cá; đèn LED dùng trong khai thác thủy sản trên tàu cá**

1. Nội dung hỗ trợ

a) Hỗ trợ chi phí để trang bị hầm bảo quản sản phẩm; máy, thiết bị dò cá; đèn LED dùng trong khai thác thủy sản trên tàu cá.

b) Các loại máy, thiết bị được hỗ trợ

- Hầm bảo quản sản phẩm bằng vật liệu Polyurethane (PU).

- Máy, thiết bị dò cá – máy dò ngang.

- Hệ thống đèn LED.

2. Điều kiện được hưởng hỗ trợ

a) Chủ tàu cá (trừ tàu cá hoạt động nghề lưới kéo) có tổng công suất máy chính từ 400 CV trở lên và có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên được đăng ký tại tỉnh Quảng Nam; chấp hành đầy đủ các quy định về đăng ký, đăng kiểm tàu cá, giấy phép khai thác, an toàn thực phẩm, giám sát hành trình tàu cá.

b) Các loại hầm bảo quản sản phẩm; máy, thiết bị dò cá; hệ thống đèn LED chủ tàu đề nghị hỗ trợ phải mới 100%, đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật theo quy định;

c) Chủ tàu phải cam kết sử dụng hầm bảo quản sản phẩm; máy, thiết bị dò cá; hệ thống đèn LED dùng trong khai thác thủy sản được lắp đặt trên tàu kể từ ngày nhận được chi phí hỗ trợ.

3. Mức hỗ trợ

Hỗ trợ 50% mức đầu tư để trang bị hầm bảo quản sản phẩm thủy sản; máy, thiết bị dò cá; hệ thống đèn LED dùng trong khai thác thuỷ sản trên tàu cá nhưng không quá đối với các trường hợp, cụ thể:

- Hầm bảo quản: 1.600.000 đồng/m2.

- Máy dò cá – máy dò ngang: 600.000.000 đồng/máy/tàu.

- Hệ thống đèn LED: 400.000.000 đồng/tàu.

Trường hợp tàu được hỗ trợ nhiều nội dung thì tổng mức đầu tư hỗ trợ không quá 800.000.000 đồng/tàu.

**Điều 7. Chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề khai thác thuỷ sản**

1. Nội dung hỗ trợ

a) Hỗ trợ một lần cho chủ tàu cá hoạt động trên biển có chiều dài lớn nhất từ 6 mét đến dưới 15 mét chi phí mua ngư cụ để chuyển đổi từ nghề lưới kéo (trừ nghề moi/ruốc); nghề, ngư cụ kết hợp ánh sáng (trừ nghề rớ, nghề câu tay mực) sang các nhóm nghề câu, nghề lồng bẫy theo quy định pháp luật.

b) Hỗ trợ một lần chuyển đổi sang nghề không phải khai thác thủy sản đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6 đến dưới 15 mét hoạt động nghề khai thác quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này.

- Cải hoán tàu cá để chuyển đổi sang nghề phục vụ nuôi trồng thủy sản, nghề cá giải trí, phục vụ du lịch.

- Ổn định đời sống sau khi thực hiện chuyển đổi nghề.

2. Điều kiện hỗ trợ

a) Tàu cá đã đăng ký tại tỉnh (có giấy chứng nhận đăng ký hoặc giấy xác nhận đã đăng ký tàu cá), có chiều dài lớn nhất từ 6 mét đến dưới 15 mét hoạt động các nghề lưới kéo (trừ nghề moi/ruốc); nghề, ngư cụ kết hợp ánh sáng (trừ nghề rớ, nghề câu tay mực) và đang còn hoạt động khai thác thuỷ sản.

b) Được cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh chấp thuận phương án cải hoán chuyển nghề.

c) Đã hoàn thành thanh lý hoặc tiêu huỷ các loại ngư cụ, trang thiết bị trước khi cải hoán chuyển đổi nghề khai thác.

d) Các loại ngư cụ đề nghị chuyển đổi phải đáp ứng quy chuẩn, tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật theo quy định; chủ tàu phải cam kết sử dụng ngư cụ chuyển đổi được lắp đặt trên tàu kể từ ngày nhận được kinh phí hỗ trợ theo quy định.

đ) Hoàn thành các thủ tục liên quan đến cấp phép khai thác thuỷ sản sau khi chuyển đổi nghề (đối với chuyển đổi nghề khai thác khác); xoá đăng ký tàu cá (đối với chuyển đổi sang nghề không phải khai thác).

e) Đối với các tàu cá chuyển sang nghề cá giải trí hoạt động trong khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản, khu vực được công nhận và giao quyền quản lý bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản, chủ tàu phải là thành viên trong tổ đồng quản lý nguồn lợi thuỷ sản hoặc được sự chấp thuận của Ban quản lý Khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản.

3. Mức hỗ trợ

a. Đối với tàu cá chuyển đổi sang nghề khai thác khác, hỗ trợ 50% mức đầu tư cho chuyển đổi nghề nhưng không quá đối với các trường hợp, cụ thể:

- Đối với tàu cá từ 12 mét đến dưới 15 mét

+ Chuyển sang nghề câu: 50.000.000 đồng/tàu cá.

+ Chuyển sang nghề lồng bẫy: 100.000.000 đồng/tàu cá.

- Đối với tàu cá từ 6 mét đến dưới 12 mét:

+ Chuyển sang nghề câu: 30.000.000 đồng/tàu cá.

+ Chuyển sang nghề lồng bẫy: 50.000.000 đồng/tàu cá.

b. Đối với chuyển sang nghề không phải nghề khai thác thủy sản, mức hỗ trợ cụ thể:

- Cải hoán tàu:

+ Đối với tàu cá từ 12 mét đến dưới 15 mét: Không quá 50.000.000 đồng/tàu.

+ Đối với tàu cá từ 6 đến dưới 12 mét: Không quá 30.000.000 đồng tàu.

- Ổn định đời sống sau khi thực hiện chuyển đổi: 12.600.000 đồng/tàu.

**Điều 8. Chính sách hỗ trợ đối với tàu cá, thuyền viên viên tàu cá và người lao động bị nạn trên biển; tàu cá tham gia công tác cứu hộ, cứu nạn**

1. Nội dung hỗ trợ

a) Thuyền viên và người lao động bị tai nạn khi làm việc trên tàu cá hoạt động sản xuất trên biển dẫn đến bị thương nặng, chết hoặc mất tích.

b) Hỗ trợ chi phí cho tàu cá bị chìm, đắm không thể trục vớt do thiên tai, hỏa hạn, tai nạn giao thông.

c) Hỗ trợ tàu cá tham gia tìm kiếm cứu nạn.

2. Điều kiện được hưởng hỗ trợ

a) Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12m trở lên bị chìm, đắm không thể trục vớt do thiên tai, hỏa hạn, tai nạn giao thông khi đang hoạt động trên biển; tàu cá tham gia công tác cứu nạn đã chấp hành đầy đủ các quy định về đăng ký, đăng kiểm tàu cá, giấy phép khai thác, giám sát hành trình tàu cá *(đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên).*

b) Thuyền viên và người lao động bị tai nạn dẫn đến bị thương nặng, chết hoặc mất tích (theo công bố của cơ quan có thẩm quyền) khi làm việc trên tàu cá.

3. Mức hỗ trợ

3.1. Hỗ trợ chi phí cho thuyền viên và người lao động bị tai nạn khi làm việc trên tàu cá hoạt động sản xuất trên biển dẫn đến bị thương nặng, chết hoặc mất tích.

a) Người chết hoặc mất tích: 18.000.000 đồng/người.

b) Người bị thương nặng: 3.600.000 đồng/người.

3.2. Hỗ trợ chi phí cho tàu cá bị chìm, đắm không thể trục vớt do thiên tai, hỏa hạn, tai nạn giao thông và các sự cố bất khả kháng khác.

a) Hỗ trợ thiệt hại tàu cá

- Tàu cá có chiều dài từ 12 đến dưới 15m : 20.000.000 đồng/tàu.

- Tàu cá có chiều dài từ 15 đến dưới 24m: 30.000.000 đồng/tàu.

- Tàu cá có chiều dài từ 24m trở lên: 40.000.000 đồng/tàu.

b) Thuyền viên và người lao động làm việc trên tàu

- Người chết hoặc mất tích: 18.000.000 đồng/người.

- Người bị thương nặng: 3.600.000 đồng/người.

- Các đối tượng khác tối đa: 1.000.000 đồng/người.

3.3. Hỗ trợ đối với tàu cá tham gia công tác tìm kiếm cứu nạn

a) Hỗ trợ chi phí tiêu hao nhiên liệu thực tế sử dụng trong quá trình thực hiện tham gia tìm kiếm cứu nạn nhưng không quá 30.000.000 đồng/tàu/lần.

b) Hỗ trợ thuyền viên và người lao động làm việc trên tàu cá tham gia tìm kiếm cứu nạn 180.000 đồng/người/ngày.

c) Đối với trường hợp thuyền viên và người lao động trên tàu cá tham gia tìm kiếm cứu nạn bị tai nạn dẫn đến bị thương nặng, chết (kể cả sau điều trị lần đầu) hoặc mất tích.

- Người chết hoặc mất tích: 18.000.000 đồng/người.

- Người bị thương nặng: 9.000.000 đồng/người.

**Điều 9. Chính sách hỗ trợ thực hiện dự án nuôi trồng thuỷ sản trên biển, mặt nước lớn nội địa**

1. Nội dung hỗ trợ:

Hỗ trợ đầu tư mới nuôi lồng bè trên biển; chuyển đổi lồng bè nuôi trồng thuỷ sản trên sông, mặt nước lớn nội địa (hồ thuỷ lợi, thuỷ điện) bằng vật liệu nuôi truyền thống sang sử dụng vật liệu nhựa HDPE (High Density Polyethylene) hoặc composite.

2. Điều kiện được hỗ trợ:

- Đã được cấp giấy phép nuôi trồng thuỷ sản trong phạm vi công trình thuỷ lợi, thuỷ điện (đối với nuôi trong hồ thuỷ lợi, thuỷ điện) hoặc giao, thuê đất mặt nước (đối với nuôi trên sông); cấp phép nuôi trồng thuỷ sản trên biển và giao khu vực biển để nuôi trồng thuỷ sản (đối với nuôi biển trong phạm vi 6 hải lý);

- Quy mô diện tích lồng bè tối thiểu 300 m2 đối với nuôi biển, 150 m2 đối với nuôi thủy vực nội địa (sông, hồ thủy lơi, thủy điện); *(chỉ áp dụng trường hợp dự án đầu tư mới)*

- Sử dụng vật liệu composite, HDPE đảm bảo chất lượng, nguồn gốc theo quy định để làm lồng bè nuôi;

- Sử dụng tối thiểu 30% lao động đăng ký thường trú trong tỉnh; *(chỉ áp dụng đối với dự án đầu tư mới)*

3. Mức hỗ trợ:

3.1. Đối với nuôi trên biển (hỗ trợ đầu tư mới lồng bè, giàn nuôi):

a) Nuôi cá trên biển

- Hỗ trợ tối đa 1.000.000 đồng/m2 lồng (tính theo diện tích khung lồng) đối với nuôi vùng biển từ 3 đến 6 hải lý nhưng không quá 02 tỷ đồng/cơ sở.

- Hỗ trợ tối đa 720.000 đồng/m2 lồng (tính theo diện tích khung lồng) đối với nuôi vùng biển đến 3 hải lý nhưng không quá 1.000.000.000 đồng/cơ sở.

b) Nuôi đối tượng lợ, mặn khác (tôm hùm, nhuyễn thể, rong biển)

Hỗ trợ tối đa 50% mức hỗ trợ nuôi cá trên biển nhưng không quá 500.000.000 đồng/cơ sở.

3.2. Đối với trường hợp nuôi trên sông, mặt nước lớn nội địa đầu tư hoặc chuyển đổi vật liệu lồng bè truyền thống sang sử dụng vật liệu mới, hỗ trợ tối đa 460.000 đồng/m2 lồng nhưng không quá 200.000.000 đồng/cơ sở.

**Điều 10. Hỗ trợ thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản**

1. Nội dung hỗ trợ

a) Hỗ trợ một lần kinh phí mua sắm trang thiết bị thiết yếu cho hoạt động của tổ chức cộng đồng bao gồm: trang thiết bị phục vụ tuần tra, kiểm soát (còi, loa, đèn chiếu sáng, áo phao, nón bảo hiểm) phao tiêu, biển báo, đèn hiệu đánh dấu khu vực thực hiện đồng quản lý. Tổng mức hỗ trợ một lần không quá 30.000.000 đồng.

b) Hỗ trợ kinh phí hoạt động thường xuyên của tổ chức cộng đồng trong thời gian tối thiểu 03 năm kể từ ngày tổ chức cộng đồng được công nhận và giao quyền quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản, bao gồm các hoạt động chủ yếu sau:

- Thuê chuyên gia hỗ trợ hoạt động của tổ chức cộng đồng (đối với các hoạt động hỗ trợ phát triển sinh kế, xây dựng cơ chế tài chính duy trì hoạt động lâu dài cho tổ, kết nối các hoạt động du lịch).

- Tổ chức hội nghị cộng đồng hằng năm (năm không quá 2 lần).

- Chi phí nhiên liệu thực hiện tuần tra trên thuỷ vực

- Tái tạo nguồn lợi thủy sản, phục hồi môi trường sống của các loài thủy sản (Thả bổ sung loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm; loài thủy sản có giá trị kinh tế, khoa học; loài thủy sản bản địa; loài thủy sản đặc hữu vào vùng nước tự nhiên; hình thành, khu vực nhân tạo cho loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm; loài thủy sản có giá trị kinh tế, khoa học; loài thủy sản bản địa; loài thủy sản đặc hữu).

- Truyền thông, tập huấn nâng cao năng lực cộng đồng.

2. Điều kiện hỗ trợ

Tổ chức cộng đồng tham gia thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản theo quy định tại khoản 5, Điều 3 Luật Thủy sản.

3. Mức hỗ trợ

a) 100% chi phí mua sắm trang thiết bị thiết yếu cho hoạt động của tổ chức cộng đồng nhưng không quá 50.000.000 đồng/lần/tổ chức cộng đồng.

b) 100% chi phí hoạt động thường xuyên của tổ chức cộng đồng trong thời gian tối thiểu 03 năm kể từ ngày tổ chức cộng đồng được công nhận và giao quyền quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản nhưng không quá 165.000.000 đồng/năm/tổ chức cộng đồng.

c) Đối với tổ cộng đồng thành lập và hoạt động theo quy định tại khoản 5, Điều 3 Luật Thủy sản được công nhận và giao quyền quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản trước thời điểm nghị quyết này có hiệu lực, giao UBND tỉnh quyết định nội dung, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ phù hợp cho từng trường hợp cụ thể nhưng không vượt quá thời gian, mức hỗ trợ tại khoản 2, khoản 3 điều này.

**CHƯƠNG III.**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 12. Nguồn kinh phí thực hiện**

1. Ngân sách tỉnh bố trí tối thiểu 20,2 tỷ đồng hàng năm để thực hiện nghị quyết.

2. Lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện chính sách theo chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; chính sách vay vốn tín dụng; các chương trình, dự án khác.

3. Hàng năm, ngân sách tỉnh bố trí kinh phí quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện, kiểm tra cho các Sở, ngành cấp tỉnh, đơn vị có liên quan, UBND cấp huyện trong công tác chỉ đạo, triển khai, kiểm tra, phúc tra việc thực hiện chính sách theo quy định pháp luật.

**Điều 13. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Uỷ ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam Khóa ..., kỳ họp thứ .... thông qua ngày ... tháng ... năm ...., có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm...

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - UBTVQH;  - VP: QH, CTN, CP;  - Ban CTĐB-UBTVQH;  - Các Bộ: NN và PTNT, Tài chính, KH và ĐT;  - Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;  - Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;  - UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;  - Các Ban của HĐND tỉnh;  - Đại biểu HĐND tỉnh;  - VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;  - Các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;  - TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;  - Cổng Thông tin điện tử tỉnh;  - TTXVN tại Quảng Nam;  - Báo Quảng Nam, Đài PT-TH tỉnh;  - VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;  - Lưu: VT, CTHĐND. | **CHỦ TỊCH** |